

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 4 năm 2024

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020;
 - Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019;
 - Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XI, kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 16/06/2010; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các TCTD số 17/2017/QH14 ngày 20/11/2017;
 - Căn cứ Điều lệ Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín (Vietbank);
 - Căn cứ nội dung và kết quả biểu quyết các nội dung đề trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 tại phiên họp Đại hội đồng cổ đông ngày 26/4/2024.
- Đại hội đồng cổ đông thường niên Vietbank năm 2024 nhất trí:

QUYẾT NGHỊ:

- Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2023 và Kế hoạch kinh doanh năm 2024;
- Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2023 với các chỉ tiêu cơ bản như sau:
 - Chỉ tiêu về quy mô: ĐVT: tỷ đồng, %

| Chỉ tiêu | Thực hiện năm 2023 | So với Kế hoạch năm 2023 | |
|-----------------------------|--------------------|--------------------------|-----------|
| | | Kế hoạch năm 2023 | % KH 2023 |
| Tổng tài sản | 136.256 | 125.000 | 111 |
| Tổng dư nợ cấp tín dụng (*) | 80.764 | 79.100 | 102 |
| Tổng huy động vốn (**) | 101.547 | 100.000 | 102 |
| Vốn điều lệ | 4.777 | | |
| Lợi nhuận trước thuế | 812 | 960 | 84,6 |

(*) Tổng dư nợ cấp tín dụng bao gồm Cho vay khách hàng, Trại phiếu doanh nghiệp.

(**) Tổng huy động vốn bao gồm Huy động tiền gửi khách hàng, Phát hành giấy cho thuê.

- Chỉ tiêu về kết quả hoạt động kinh doanh: ĐVT: tỷ đồng, %

| STT | Chỉ tiêu | TH 2023 | KH 2023 | % HTKH 2023 | +/- KH 2023 |
|-----|-------------------|---------|---------|-------------|-------------|
| 1 | Tổng TN hoạt động | 2.397 | | | |

| STT | Chỉ tiêu | TH 2023 | KH 2023 | % HTKH 2023 | +/- KH 2023 |
|-----|----------------------------|---------|---------|-------------|-------------|
| 2 | Tổng CP hoạt động | 1.470 | | | |
| 3 | LN từ HĐKD trước DP (=1-2) | 927 | | | |
| 4 | CP (Hoàn nhập) DP BRTD | 115 | | | |
| 5 | LNTT (=3-4) | 812 | 960 | 84,8 | -148 |

Đơn vị: Tỷ, Triệu đồng; KH: Kế hoạch; +/-: Tăng giảm hay chênh lệch đối lại so với: %: đạt tỷ lệ so với

- Chỉ số về an toàn hoạt động:

| Chỉ tiêu | Năm 2023 | Quy định NHNN | So với quy định | +/- TH Năm 2022 |
|---|----------|---------------|-----------------|-----------------|
| NPL (Tỷ lệ nợ xấu) theo quy định TT11/NHNN | 1,79% | ≤ 3% | Đạt | -0,68% |
| CAR (HS an toàn vốn tối thiểu)-Theo TT41/NHNN | 10,39% | ≥ 8% | Đạt | 0,15% |
| LDR (Tỷ lệ CWTổng HD) | 84,82% | ≤ 85% | Đạt | 1,02% |
| Tỷ lệ nguồn vốn NH CV TDH | 13,37% | ≤ 30% | Đạt | -19,73% |

Đơn vị: NPL năm 2023 và năm 2022 theo quy định TT11/NHNN

b. Kế hoạch kinh doanh năm 2024:

- Kế hoạch cơ sở:

Đơn vị: Tỷ đồng

| Chỉ tiêu | Kế hoạch cơ sở 2024 | Thực hiện 2023 | Mức tăng so với 2023 | Tỷ lệ tăng so với 2023 (%) |
|--|---------------------|----------------|----------------------|----------------------------|
| Tổng Tài sản | 146.000 | 138.258 | 6.742 | 5 |
| Huy động từ khách hàng (gồm GTCG) | 110.000 | 101.547 | 8.453 | 8 |
| Tổng dư nợ cho vay | 90.000 (*) | 80.754 | 9.246 | 11 |
| Danh mục chứng khoán đầu tư | 23.750 | 17.517 | 6.233 | 36 |
| Lợi nhuận trước thuế | 950 | 812 | 138 | 17 |
| Tỷ lệ nợ xấu (N45 Tổng DN cấp tín dụng theo TT11/NHNN) | ≤ 2,5% | 1,79% | | |

- Kế hoạch phân bổ:

Đơn vị: Tỷ đồng

| Chỉ tiêu | Kế hoạch phân bổ 2024 | Thực hiện 2023 | Mức tăng so với 2023 | Tỷ lệ tăng so với 2023 (%) |
|-----------------------------------|-----------------------|----------------|----------------------|----------------------------|
| Tổng Tài sản | 150.000 | 138.258 | 11.742 | 8 |
| Huy động từ khách hàng (gồm GTCG) | 115.000 | 101.547 | 14.453 | 14 |
| Tổng dư nợ cho vay | 95.000 (*) | 80.754 | 14.246 | 18 |
| Danh mục chứng khoán đầu tư | 24.500 | 17.517 | 6.983 | 40 |

| Chỉ tiêu | Kế hoạch phần đầu 2024 | Thực hiện 2023 | Mức tăng so với 2023 | Tỷ lệ tăng so với 2023 (%) |
|---|------------------------------|-------------------|-------------------------|----------------------------------|
| Lợi nhuận trước thuế | 1.000 | 812 | 238 | 29 |
| Tỷ lệ nợ xấu (N345/Tổng DN cấp tín dụng theo TT11/NHNN) | ≤ 2,5% | 1,79% | | |

Ghi chú: Kế hoạch tăng trưởng tín dụng phần đầu của Vietbank, thực tế trong năm 2024 sẽ điều chỉnh phù hợp với room tín dụng được NHNN cấp, căn cứ theo công văn 10167/NHNN-GSTT ngày 31/12/2023 hoặc văn bản thay thế (nếu có).

2. Thông qua Báo cáo tài chính năm 2023 đã được kiểm toán với các chỉ tiêu tài chính cơ bản như sau:

| STT | Chỉ tiêu | ĐVT: triệu đồng | |
|---|---------------------------------|----------------------------|-------------------------------|
| | | Năm 2023 | |
| | | BCTC riêng đã kiểm toán | BCTC hợp nhất đã kiểm toán |
| Về các chỉ tiêu liên quan đến kinh doanh | | | |
| 1 | Tổng tài sản | 138.262.087 | 138.258.073 |
| 2 | Cho vay khách hàng (trước DPRR) | 80.754.430 | 80.754.430 |
| | Cho vay khách hàng (sau DPRR) | 79.976.558 | 79.976.558 |
| 3 | Tiền gửi của các TCTD khác | 23.139.484 | 23.139.484 |
| | Tiền gửi của khách hàng | 90.000.811 | 89.995.715 |
| 4 | Lợi nhuận trước thuế | 811.945 | 811.945 |
| Về các chỉ tiêu liên quan đến vốn chủ sở hữu | | | |
| 1 | Tổng Vốn chủ sở hữu | 6.895.659 | 6.895.659 |
| 1.1 | Vốn điều lệ | 4.776.827 | 4.776.827 |
| 1.2 | Quý dự trữ | 495.800 | 495.800 |
| 1.3 | Lợi nhuận chưa phân phối | 1.623.032 | 1.623.032 |

3. Thông qua Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị; kết quả đánh giá hiệu quả hoạt động của các thành viên Hội đồng quản trị, các Hội đồng, Ủy ban thuộc Hội đồng quản trị.

4. Thông qua Báo cáo của Ban kiểm soát về: kết quả kinh doanh của Vietbank, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc; tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và của kết quả đánh giá hiệu quả hoạt động các thành viên Ban kiểm soát.

5. Thông qua Báo cáo kết quả triển khai hồ sơ tăng vốn và niêm yết cổ phiếu trên thị trường chứng khoán theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/4/2022, Nghị quyết 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/4/2023. Theo đó:

a. Đối với việc tăng vốn điều lệ theo Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2023, Đại hội đồng cổ đông thống nhất: Giao Hội đồng quản trị quyết định các vấn đề liên quan, làm việc với NHNN

và các cơ quan hữu quan khác để thực hiện tiếp các công việc tiếp theo nhằm hoàn tất các thủ tục triển khai tăng vốn theo đúng quy định.

- b. Đối với việc niêm yết cổ phiếu trên thị trường chứng khoán, Đại hội đồng cổ đông thống nhất:
- (g) Chuyển giao dịch cổ phiếu VBB từ hệ thống giao dịch Upcom sang niêm yết chính thức tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM (HOSE) khi thời điểm và điều kiện thị trường thuận lợi trên cơ sở đáp ứng các điều kiện theo quy định của pháp luật.
- (h) Giao/ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định tất cả các vấn đề có liên quan đến công việc nêu trên, chỉ đạo Ban điều hành, các Khối/Trung tâm/Phòng Ban và Văn phòng HĐQT thực hiện các thủ tục liên quan theo đúng quy định của pháp luật.
6. Thông qua Phương án phân phối lợi nhuận năm 2023, cụ thể như sau:
- a. Phương án phân phối lợi nhuận:

Đơn: đồng

| STT | KHOẢN MỤC | THUYẾT MINH | THÀNH TIỀN |
|-----|--|-------------|-------------------|
| 1 | Lợi nhuận trước thuế của riêng ngân hàng | | 811.945.298.423 |
| 2 | Lợi nhuận sau thuế của riêng ngân hàng | | 646.856.026.767 |
| 3 | Trích lập Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ | (2) x 5% | 32.343.301.338 |
| 4 | Trích lập Quỹ dự phòng tài chính | (2) x 10% | 64.686.602.676 |
| 5 | Lợi nhuận còn lại sau thuế và trích các Quỹ bắt buộc | (2)-(3)-(4) | 549.836.122.753 |
| 6 | Trích lập quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi | | 30.000.000.000 |
| 6.1 | - Quỹ khen thưởng | | 24.000.000.000 |
| 6.2 | - Quỹ phúc lợi | | 6.000.000.000 |
| 7 | Lợi nhuận chưa phân phối sau khi trích lập các quỹ năm 2023 | (5)-(6) | 519.836.122.753 |
| 8 | Lợi nhuận chưa phân phối sau khi trích lập các quỹ đến năm 2022 | | 1.073.195.681.611 |
| 9 | Tổng lợi nhuận chưa phân phối sau khi trích lập các quỹ đến năm 2023 | (7)+(8) | 1.593.031.704.364 |
| 10 | Hình thức chi trả cổ tức | Cổ phiếu | |
| 11 | Lợi nhuận dùng để chi trả cổ tức (dự kiến tương đương 25% tổng số vốn cổ phần phổ thông đang lưu hành tại thời điểm chốt danh sách cổ đông có quyền nhận cổ tức) | | 1.427.883.180.000 |
| 12 | Lợi nhuận năm 2023 giữ lại không chia | (9)-(11) | 165.148.604.364 |

- b. Giao/ủy quyền Hội đồng quản trị: (i) trường hợp Luật các TCTD năm 2024 và các văn bản pháp luật thi hành (hiệu lực sau ngày BHĐCĐ thông qua Tờ trình này) có quy định, yêu cầu và tỷ lệ phải trích quỹ của năm 2023 khác với tỷ lệ trên thì Hội đồng quản trị quyết định và thực hiện trích lập các quỹ để tuân thủ quy định pháp luật; (ii) tổ chức thực hiện phân phối lợi nhuận và quyết định sử dụng lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và

các nguồn vốn chủ sở hữu khác trên cơ sở hài hòa quyền lợi của Vietbank, quyền lợi của cổ đông, phù hợp với quy định của pháp luật; (ii) triển khai phương án tăng vốn điều lệ 2024 thông qua chi trả cổ tức bằng cổ phiếu từ nguồn Lợi nhuận giữ lại đến năm 2023 để thực hiện các thủ tục xin ý kiến chấp thuận của NHNN. Số tiền chi trả cổ tức bằng cổ phiếu thực tế phụ thuộc vào Vốn cổ phần tại ngày chốt danh sách cổ đông để phân phối cổ phiếu. Số tiền còn lại do làm tròn số sau khi phân phối cổ phiếu sẽ đưa vào nguồn vốn chủ sở hữu theo quy định.

7. Thông qua To án tình về việc tăng vốn điều lệ năm 2024, theo đó, Đại hội đồng cổ đông chấp thuận:

a. Mức tăng vốn điều lệ:

• Vốn Điều lệ tại thời điểm 31/12/2023: **4.776.826.890.000 đồng** (Bốn ngàn bảy trăm bảy mươi sáu tỷ năm trăm hai mươi sáu triệu sáu trăm chín mươi ngàn đồng chẵn) tương ứng với 447.682.689 cổ phần, trong đó:

✓ Cổ phần phổ thông: 477.682.689 cổ phần;

✓ Cổ phần ưu đãi 0;

✓ Cổ phiếu quỹ: 0.

• Tổng mức tăng vốn điều lệ tăng: **2.362.589.190.000 đồng** (Hai ngàn ba trăm sáu mươi hai tỷ năm trăm tám mươi chín triệu một trăm chín mươi ngàn đồng chẵn), trong đó:

✓ Tăng từ phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo Phương án tăng vốn điều lệ đã được ĐHCĐ thường niên năm 2023 thông qua tại Nghị Quyết số 01/2023/NQ-ĐHCĐCB ngày 26/04/2023 và Ngân hàng Nhà nước chấp thuận theo Văn bản số 5872/NHNN – TTGSNH ngày 25/7/2023; Ủy ban chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng số 437/GCN-UBCK ngày 19/12/2023, gia hạn Giấy chứng nhận đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng thêm 30 ngày theo Quyết định số 229/QĐ-UBCK ngày 26/02/2024 và Văn bản xác nhận kết quả chào bán số 2478/UBCK-QLCB ngày 19/4/2024: **934.706.010.000 đồng** (Chín trăm ba mươi bốn tỷ bảy trăm lẻ sáu triệu không tám mươi ngàn đồng chẵn).

✓ Vốn điều lệ dự kiến tăng thêm từ việc triển khai Phương án tăng vốn điều lệ mỗi năm 2024: **1.427.883.180.000 đồng** (Một ngàn bốn trăm hai mươi bảy tỷ năm trăm tám mươi ba triệu một trăm tám mươi ngàn đồng chẵn), tăng 25% so với vốn điều lệ sau khi dự kiến tăng thêm;

• Vốn điều lệ mới dự kiến sau khi hoàn tất việc tăng vốn: **7.139.415.880.000 đồng** (Bảy ngàn một trăm ba mươi chín tỷ bốn trăm mười tám triệu tám trăm tám mươi ngàn đồng chẵn).

b. Phương án tăng vốn điều lệ:

(i) Tiếp tục triển khai Phương án tăng vốn thông qua chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu (đã được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chấp thuận theo Văn bản số 5872/NHNN – TTGSNH ngày 25/7/2023; Ủy ban chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng số 437/GCN-UBCK ngày 19/12/2023, gia hạn Giấy chứng nhận đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng thêm 30 ngày theo Quyết định số 229/QĐ-UBCK ngày 26/02/2024);

- Tổng số tiền tăng vốn: **934.706.010.000 đồng** (Chín trăm ba mươi bốn tỷ bảy trăm lẻ sáu triệu không trăm mười ngàn đồng chẵn).
- Đến thời điểm hiện tại, đã hoàn tất việc chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và đã được Ủy ban chứng khoán nhà nước xác nhận kết quả chào bán theo 2478/UBCK-QLCB ngày 19/4/2024 với số cổ phiếu chào bán thành công là **93.470.601 cổ phần** tương ứng mức vốn điều lệ tăng là: **934.706.010.000 đồng** (Chín trăm ba mươi bốn tỷ bảy trăm lẻ sáu triệu không trăm mười ngàn đồng chẵn).
- Hiện tại, Vietbank đang thực hiện các thủ tục đề nghị Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chấp thuận sửa đổi Giấy phép hoạt động của Vietbank nội dung về vốn điều lệ.
- Thời gian dự kiến hoàn thành: quý 2, quý 3 năm 2024.

(i) Phương án Tăng vốn điều lệ thông qua phát hành cổ phiếu để trả cổ tức:

Tăng vốn điều lệ thêm **1.427.883.180.000 đồng** (Một ngàn bốn trăm hai mươi bảy tỷ tám trăm tám mươi ba triệu một trăm tám mươi ngàn đồng chẵn) thông qua việc phát hành **142.788.318 (Một trăm bốn mươi hai triệu bảy trăm tám mươi tám ngàn ba trăm mười tám)** cổ phần phổ thông để trả cổ tức (tương đương với tỷ lệ 25% tổng số cổ phần phổ thông đang lưu hành – bao gồm cả cổ phần phát hành cho cổ đông hiện hữu tại mục 7.2.(i)).

- Đối tượng phát hành: cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách cổ đông của Vietbank tại thời điểm chốt danh sách cổ đông để nhận cổ tức bằng cổ phiếu phổ thông theo quy định của pháp luật từng thời kỳ;
- Số lượng cổ phần dự kiến phát hành: **142.788.318 cổ phần** (Một trăm bốn mươi hai triệu bảy trăm tám mươi tám ngàn ba trăm mười tám cổ phần), mệnh giá **10.000 đồng/CP**;
- Tổng mệnh giá phát hành: **1.427.883.180.000 đồng** (Một ngàn bốn trăm hai mươi bảy tỷ tám trăm tám mươi ba triệu một trăm tám mươi ngàn đồng chẵn);
- Quý dự trữ bổ sung vốn điều lệ đến 31/12/2023: 166.465.878.960 đồng;
- Quý dự phòng tài chính đến 31/12/2023: 329.334.126.442 đồng;
- Lợi nhuận chưa phân phối lũy kế đến 31/12/2023: 1.623.031.784.364 đồng
- Nguồn thực hiện: từ lợi nhuận chưa phân phối lũy kế đến 31/12/2023, phù hợp quy định, trong đó:
 - ✓ Lợi nhuận sau thuế hợp nhất của Vietbank năm 2023: 646.866.026.767 đồng;
 - ✓ Lợi nhuận sau thuế riêng của Vietbank năm 2023: 646.866.026.767 đồng;
 - ✓ Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế hợp nhất của Vietbank đến năm 2023: 1.623.031.784.364 đồng;
 - ✓ Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế hợp nhất của Vietbank đến năm 2023 sau khi trích lập các quỹ: 1.593.031.784.364 đồng;
 - ✓ Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế riêng của Vietbank đến năm 2023: 1.623.031.784.364 đồng;
 - ✓ Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế riêng của Vietbank đến năm 2023 sau khi trích lập các quỹ: 1.593.031.784.364 đồng.

- Danh sách cổ đông và tỷ lệ sở hữu cổ phần của cổ đông có tỷ lệ sở hữu từ 5% trở lên so với vốn cổ phần có quyền biểu quyết và so với vốn điều lệ thời điểm hiện tại và dự kiến sau khi tăng vốn – đính kèm.
- Danh sách cổ đông và người có liên quan có tỷ lệ sở hữu cổ phần từ 20% trở lên so với vốn điều lệ thời điểm hiện tại và dự kiến sau khi tăng vốn – đính kèm.
- Tổng mức sở hữu cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài hiện tại là 0.00% và dự kiến sau khi tăng vốn là 0.00%
- Thời gian hạn chế chuyển nhượng: Không bị hạn chế chuyển nhượng;
- Thời điểm thực hiện: Dự kiến từ quý 4/2024 đến quý 1/2025. Thời gian thực hiện cụ thể giao cho HĐQT quyết định trên cơ sở phù hợp với Giấy phép/Chấp thuận của Cơ quan quản lý Nhà Nước có thẩm quyền và phù hợp với điều kiện thị trường.
- Phương án xử lý cổ phần, cổ phiếu lẻ:
 - ✓ Số lượng cổ phần, cổ phiếu phát hành được tính theo số nguyên, phần thập phân sẽ được làm tròn xuống (thành 0 cổ phiếu);
 - ✓ Số cổ phiếu lẻ phát sinh (nếu có) giao cho HĐQT quyết định;
- Kế hoạch sử dụng vốn thu được:

Tổng bộ phận vốn tăng 1.427.883.180.000 đồng từ phát hành cổ phiếu năm 2024 được dự kiến sử dụng toàn bộ cho việc đầu tư tài sản, bổ sung nguồn vốn để phát triển, mở rộng mạng lưới hoạt động, bảo đảm tuân thủ các tỷ lệ an toàn trong hoạt động, sinh lợi cho hoạt động kinh doanh Vietbank, đảm bảo phù hợp quy định của NHNN về tỷ lệ đầu tư tài sản cố định đối với số vốn tín dụng.

c. Hiệu quả kinh doanh trên mức vốn đầu tư là mới.

Đối với kế hoạch tăng vốn điều lệ và sử dụng vốn điều lệ tăng thêm như trên, Vietbank dự kiến một số chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh chính năm 2024 như sau:

DVT: Tỷ đồng

| STT | Chỉ tiêu | Thực hiện 2023 | KH 2024 | |
|-----|---------------------------------------|----------------|----------|---------------|
| | | | Chỉ tiêu | % tăng trưởng |
| 1 | Vốn điều lệ | 4.777 | 7.139 | 49,45% |
| 2 | Dự nợ tín dụng (a - b) | 80.754 | 95.000 | 18% |
| a | Dự nợ cho vay khách hàng | 80.754 | | |
| b | Bổ dự mua, đầu tư TP doanh nghiệp | - | | |
| 3 | Huy động từ khách hàng (bao gồm GTCG) | 101.552 | 118.000 | 14% |
| 4 | Tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác | 26.548 | 22.786 | -14% |
| 5 | Tiền gửi của và vay các TCTD khác | 26.622 | 21.565 | -19% |
| 6 | Tổng Tài sản | 138.262 | 150.000 | 8% |
| 7 | Lợi nhuận trước thuế (LNTT) | 812 | 1.050 | 29% |
| 8 | Tỷ lệ nợ xấu (NPL) | 1,8% | ≤ 2,5% | |

| | | | | |
|----|---|----------------------------|------------------------------------|-------|
| 9 | Tỷ lệ an toàn vốn (CAR) theo TT41 | 10,39% | 11% | 5,67% |
| 10 | Các tỷ lệ đảm bảo an toàn khác | Tuân thủ quy định của NHNN | Đảm bảo tuân thủ quy định của NHNN | |
| 11 | Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu bình quân (ROCE) | 9,83% | 10,70% | 9% |
| 12 | Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản Có bình quân (ROA) | 0,52% | 0,60% | 16% |

- d. Chấp thuận mức vốn điều lệ mới trên cơ sở kết quả triển khai thành công của Phương án.
e. Giao/ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định, bao gồm nhưng không giới hạn:

(i) Đối với Phương án tăng vốn điều lệ thông qua việc phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo Nghị quyết số 01/2023/NQ-DHĐCĐ:

Giao Hội đồng quản trị quyết định các vấn đề liên quan, làm việc với NHNN và các cơ quan hữu quan khác để thực hiện tiếp các công việc sắp theo nhằm hoàn tất các thủ tục triển khai tăng vốn theo đúng quy định.

(ii) Đối với Phương án tăng vốn điều lệ thông qua phát hành cổ phiếu để trả cổ tức:

- Các vấn đề, thủ tục pháp lý cần thiết, kể cả việc sửa đổi, bổ sung hoàn chỉnh Phương án khi trình để được Cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền xem xét và chấp thuận, dựa trên các nguyên tắc pháp luật và điều kiện thực tế hoạt động của Vietbank; tuân thủ đúng quy định của pháp luật, và đảm bảo quyền lợi của cổ đông;
- Thời điểm phát hành kể cả thời điểm dừng đợt phát hành cổ phiếu phù hợp với thực tế và hướng dẫn của Cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền;
- Xử lý cổ phiếu lẻ;
- Sửa đổi, bổ sung kế hoạch sử dụng vốn thu được, để đảm bảo tuân thủ theo quy định của pháp luật, phù hợp với thực tế kinh doanh và đem lại hiệu quả cho Vietbank;
- Sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký lưu ký, giao dịch đối với chứng khoán bổ sung theo hướng dẫn của Cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền;
- Thực hiện các thủ tục pháp lý về sửa đổi, bổ sung Giấy phép hoạt động, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Điều lệ và các giấy tờ pháp lý khác có liên quan đến cập nhật mức vốn điều lệ mới của Vietbank.

f. Trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ nêu trên, Hội đồng quản trị có quyền quyết định các nội dung trong phạm vi nhiệm vụ được ủy quyền; Thực hiện và/hoặc chỉ đạo, phân công các đơn vị thuộc Vietbank thực hiện các công việc cần thiết theo quy định của pháp luật; Hoàn chỉnh, hoàn thiện và ký các văn bản, giấy tờ, tài liệu có liên quan; Làm việc với các Cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền và các Bên liên quan; Thực hiện mọi công việc và thủ tục cần thiết khác để triển khai nhiệm vụ được giao, phù hợp với quy định pháp luật.

g. Thông qua Báo cáo السن، kết quả phát hành trái phiếu ra công chúng năm 2021 – Nghị quyết số 02/2021/NQ-DHĐCĐ ngày 26/4/2021 và các Nghị quyết liên quan, theo đó, Đại

hội đồng cổ đông thống nhất Chấp thuận giao Hội đồng quản trị tiếp tục chủ trì, chỉ đạo hoàn tất các thủ tục có liên quan để lưu ký và niêm yết đối với các trái phiếu.

9. Thông qua Báo cáo tiến độ triển khai thực hiện đầu tư mua tài sản Lìm 2 theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/4/2023 và các Nghị quyết ĐHĐCĐ có liên quan.
10. Thông qua Báo cáo các khoản cấp tín dụng đối với các đối tượng theo quy định khoản 1 Điều 127 Luật Các TCTD.
11. Thông qua Báo cáo về việc sửa đổi, bổ sung cơ cấu tổ chức bộ máy điều hành Vietbank; đồng thời tiếp tục ủy quyền cho Hội đồng quản trị theo Nghị quyết số 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ để quyết định cơ cấu tổ chức, bộ máy quản lý điều hành của Vietbank trong năm 2023 và các năm tiếp theo (bao gồm quyết định các nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế...) và báo cáo lại Đại hội đồng cổ đông trong kỳ họp gần nhất (nếu có sự thay đổi).
12. Thông qua Báo cáo về kết quả phân loại nợ, trích lập dự phòng rủi ro theo quy định tại Thông tư 11/2021/TT-NHNN.
13. Thông qua Báo cáo việc Xây dựng Phương án cơ cấu lại hoạt động gắn với xử lý nợ xấu giai đoạn 2021-2025.
14. Thông qua Tờ trình mức thu lao và ngân sách hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2024, cụ thể:
 - a. Tổng ngân sách và thu lao hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2024 là 40.000.000.000 đồng (Bốn mươi tỷ đồng chẵn). Tổng mức thu lao của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát chưa bao gồm thuế TNCN, Toàn bộ thuế TNCN liên quan theo quy định sẽ do Vietbank chi trả.
 - b. Ngân sách hoạt động bao gồm công tác phí; vé máy bay, chi phí hội nghị, lễ tân, khách tiếp; chi bưu phí và điện thoại, chi phí tiếp khách, chi phí quà tặng đối tác dịp lễ, Tết; công cụ, dụng cụ làm việc...).
 - c. Giao Thường trực Hội đồng quyết định mức thu lao cụ thể đối với từng thành viên HĐQT, thành viên Ban KS; Thường trực HĐQT hoặc Chủ tịch HĐQT và 01 Thành viên HĐQT do HĐQT phân công sẽ thực hiện phê duyệt chi tiết về các khoản chi phí của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát.
15. Thông qua Tờ trình về sửa đổi, bổ sung Bộ quy định về quản trị, kiểm soát theo Luật Các TCTD năm 2024, theo đó, ĐHĐCĐ chấp thuận:
 - a. Chấp thuận thông qua Bộ quy định về tổ chức, quản trị, kiểm soát, bao gồm: (i) Điều lệ về tổ chức, hoạt động; (ii) Quy chế nội bộ về quản trị công ty tại Vietbank; (iii) Quy chế tổ chức, hoạt động của Hội đồng quản trị; (iv) Quy chế tổ chức, hoạt động của Ban kiểm soát trên cơ sở các nội dung sửa đổi, bổ sung theo Tờ trình và (các) dự thảo, bảng so sánh nội dung sửa đổi kèm theo.
 - b. Giao Hội đồng quản trị chỉ đạo Văn phòng HĐQT, Tổ nghiệp vụ liên quan rà soát hoàn thiện Bộ quy định để trình ký ban hành có hiệu lực từ ngày 01/07/2024 nhằm phù hợp với hiệu lực của Luật Các Tổ chức tín dụng năm 2024.
16. Thông qua việc lựa chọn công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán năm 2024, 2025, cụ thể:

- a. Thông qua kết quả về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập đã nêu tại Tờ trình.
- b. Trong trường hợp có sự thay đổi Đơn vị kiểm toán độc lập trong năm 2024 và năm 2025 (bao gồm các nội dung, phạm vi kiểm toán bắt buộc hiện hữu và phát sinh thêm do luật quy định), Kinh trình Đại hội đồng cổ đông chấp thuận lựa chọn một (1) trong số bốn (4) công ty kiểm toán quốc tế hàng đầu tại Việt Nam (bao gồm các công ty: PricewaterhouseCoopers – PWC, Deloitte, KPMG, EY) hoặc một trong số các công ty kiểm toán độc lập được UBCKNN chấp thuận. Việc lựa chọn sẽ được Ban Kiểm soát đề xuất cụ thể gửi đến Hội đồng Quản Trị và báo cáo kết quả thực hiện trong kỳ Đại hội cổ đông liên kế.
- c. Các nội dung khác liên quan đến Kiểm toán độc lập vẫn được tiếp tục thực hiện theo Nghị quyết số 01/2023/NQ-DHĐCĐ ngày 26/04/2023 được Đại hội đồng cổ đông thông qua.
17. Thông qua Báo cáo công khai lợi ích liên quan của các TV HĐQT, BKS và Ban TGD định kỳ hàng năm (năm 2023).
18. Giao Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc và các đơn vị liên quan trong toàn hệ thống triển khai thực hiện các quyết định của Đại hội đồng cổ đông nêu trên và báo cáo lại Đại hội đồng cổ đông các quyết định chưa hoàn tất triển khai thực hiện và/hoặc các quyết định có nội dung yêu cầu phải báo cáo lại Đại hội đồng cổ đông.

Nơi nhận:

- Cổ đông;
- Cơ quan TTGSNN – NHNN;
- NHNN Chi nhánh tỉnh Sóc Trăng;
- Lưu Thư ký HĐQT.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



[Handwritten signature]

ĐƯƠNG NHẤT NGUYÊN